

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-42

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên
Ông Dương Quang Bình	Ủy viên
Ông Đặng Tuấn Đại	Ủy viên

Các thành viên của Ban điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban
Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban điều hành



**Nguyễn Mạnh Hà**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Số: 250818.002/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được lập ngày 20 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2018*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.852.506.111.464</b>	<b>2.257.958.164.556</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>128.188.937.812</b>	<b>160.182.246.769</b>
111	1. Tiền		68.772.904.102	81.143.663.130
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.416.033.710	79.038.583.639
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>7.992.862.210</b>	<b>5.687.847.979</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		12.495.684.422	7.760.015.535
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(4.502.822.212)	(2.072.167.556)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>675.457.985.441</b>	<b>608.734.998.521</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	572.497.019.490	585.982.881.373
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	83.476.695.935	23.776.328.562
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	40.319.400.257	12.466.283.036
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.835.130.241)	(13.490.494.450)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>1.990.628.642.120</b>	<b>1.477.033.698.466</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.019.394.324.516	1.499.863.608.722
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(28.765.682.396)	(22.829.910.256)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>50.237.683.881</b>	<b>6.319.372.821</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		888.630.369	688.477.113
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		48.883.444.572	5.630.895.708
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	465.608.940	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>600.507.727.813</b>	<b>634.031.011.531</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.346.100.000</b>	<b>4.346.100.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.346.100.000	4.346.100.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>364.895.921.088</b>	<b>320.156.710.532</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	243.731.599.905	198.301.635.557
222	- Nguyên giá		431.211.258.665	375.438.997.378
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(187.479.658.760)	(177.137.361.821)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	121.164.321.183	121.855.074.975
228	- Nguyên giá		131.160.907.720	131.160.907.720
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.996.586.537)	(9.305.832.745)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>25.358.375.315</b>	<b>26.005.034.255</b>
231	- Nguyên giá		26.005.034.255	26.005.034.255
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(646.658.940)	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>9.218.966.692</b>	<b>64.378.274.440</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.218.966.692	64.378.274.440
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>194.772.129.371</b>	<b>217.417.533.742</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		194.772.129.371	217.417.533.742
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.916.235.347</b>	<b>1.727.358.562</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.916.235.347	1.727.358.562
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.453.013.839.277</b>	<b>2.891.989.176.087</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**


G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai


**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.785.877.875.824</b>	<b>1.320.832.069.094</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.784.736.335.824</b>	<b>1.320.683.069.094</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	214.603.332.401	313.947.955.378
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	10.238.411.381	2.281.103.271
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	49.070.720.926	35.141.947.291
314	4. Phải trả người lao động		2.287.508.801	6.405.529.227
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.987.172.005	3.213.865.775
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.053.004.199	1.431.669.796
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.493.605.090.885	953.006.773.130
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.891.095.226	5.254.225.226
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.141.540.000</b>	<b>149.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.141.540.000	149.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.667.135.963.453</b>	<b>1.571.157.106.993</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.667.135.963.453</b>	<b>1.571.157.106.993</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		929.623.130.000	929.623.130.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		929.623.130.000	929.623.130.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.743.395.153	21.743.395.153
415	3. Cổ phiếu quỹ		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.546.932.622	51.546.932.622
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		641.870.567.258	548.255.792.749
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		502.504.636.249	207.545.421.504
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		139.365.931.009	340.710.371.245
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		31.345.299.210	28.981.217.259
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.453.013.839.277</b>	<b>2.891.989.176.087</b>

  
Đỗ Thị Kim Dung  
Người lập

  
Đào Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Mạnh Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2018



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.058.141.138.447	2.259.982.253.176
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	540.013.060	485.878.830
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.057.601.125.387	2.259.496.374.346
11	4. Giá vốn hàng bán	25	2.764.076.045.125	1.972.844.231.634
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.525.080.262	286.652.142.712
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	33.008.980.592	4.110.113.320
22	7. Chi phí tài chính	27	52.713.147.977	33.389.079.531
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		47.408.404.111	35.914.815.442
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(22.645.404.371)	15.716.069.747
25	9. Chi phí bán hàng	28	31.103.664.046	24.458.134.066
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	39.847.345.062	22.160.362.790
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		180.224.499.398	226.470.749.392
31	12. Thu nhập khác		778.715.483	2.467.205.050
32	13. Chi phí khác		1.242.978.488	1.006.056.014
40	14. Lợi nhuận khác		(464.263.005)	1.461.149.036
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		179.760.236.393	227.931.898.428
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	38.030.223.433	45.437.453.483
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>141.730.012.960</u>	<u>182.494.444.945</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		139.365.931.009	178.784.358.336
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.364.081.951	3.710.086.609
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.523	1.954
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	1.385	1.954

Đỗ Thị Kim Dung

Người lập

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Đào Thị Kim Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hà

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		179.760.236.393	227.931.898.428
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.165.788.132	10.919.282.779
03	- Các khoản dự phòng		15.711.062.587	(6.664.042.268)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.821.154.225)	(17.254.451.543)
06	- Chi phí lãi vay		47.408.404.111	35.914.815.442
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		248.224.336.998	250.847.502.838
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(90.104.337.622)	(141.938.290.541)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(519.530.715.794)	(360.720.328.158)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(89.172.501.998)	67.358.058.109
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(389.030.041)	27.888.311
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(4.735.668.887)	7.495.127.436
14	- Tiền lãi vay đã trả		(45.604.785.915)	(36.811.281.125)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(25.851.058.656)	(44.327.000.180)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(363.130.000)	(459.412.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(527.526.891.915)	(258.527.735.310)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.099.032.000)	(7.038.369.270)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	227.272.727
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.785.115.703	1.479.865.086
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		686.083.703	(5.331.231.457)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.890.600.210.560	2.066.148.321.751
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.350.001.892.805)	(1.700.169.148.184)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(45.750.818.500)	(83.183.872.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		494.847.499.255	282.795.301.567
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(31.993.308.957)	18.936.334.800

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		160.182.246.769	85.175.085.583
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>128.188.937.812</u>	<u>104.111.420.383</u>

**Đỗ Thị Kim Dung**  
Người lập

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2018

**Đào Thị Kim Loan**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Mạnh Hà**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 929.623.130.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 929.623.130.000 đồng; tương đương 92.962.313 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, gỗ cây và gỗ chế biến (không chứa hàng tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công cơ khí, (trừ xi mạ - không gia công tại trụ sở).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Thành phố Hồ Chí Minh	95,83%	95,83%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Thành phố Hồ Chí Minh	97,35%	97,35%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

- Các công ty con do Công ty sở hữu gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	72,00%	72,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Tỉnh Đồng Nai	48,00%	48,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	Trích khấu hao theo thời hạn sử dụng đất
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn	Không trích khấu hao

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao



**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.15 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm thép chiếm trên 90% tỷ trọng toàn bộ hoạt động của Công ty và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	191.844.990	166.203.881
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.581.059.112	80.977.459.249
Các khoản tương đương tiền	59.416.033.710	79.038.583.639
	<b><u>128.188.937.812</u></b>	<b><u>160.182.246.769</u></b>

Tại 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 59.416.033.710 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,3 %/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.580.867.750	774.000.000	(806.867.750)	1.580.867.750	967.500.000	(613.367.750)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	-	-	-	1.637.076.938	1.470.000.000	(167.076.938)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Tạo	1.352.025.000	552.300.000	(799.725.000)	1.264.393.750	586.800.000	(677.593.750)
Công ty Cổ phần FPT	1.811.936.000	1.265.750.000	(546.186.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	1.272.405.750	855.000.000	(417.405.750)	-	-	-
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1.235.370.280	900.000.000	(335.370.280)	-	-	-
Công ty Cổ phần Hàng Không VietJet	1.431.043.350	1.134.400.000	(296.643.350)	-	-	-
Cổ phiếu khác	3.812.036.292	2.511.412.210	(1.300.624.082)	3.277.677.097	2.808.988.490	(614.129.118)
	<b>12.495.684.422</b>	<b>7.992.862.210</b>	<b>(4.502.822.212)</b>	<b>7.760.015.535</b>	<b>5.833.288.490</b>	<b>(2.072.167.556)</b>

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và HOSE tại ngày 01/01/2018 và 30/06/2018.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 48%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ là 172.800.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 194.772.129.371 đồng và 217.417.533.742 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính vào Công ty liên kết này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	59.330.813.788	-	155.237.663.220	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Thép Thành Chung	154.696.232.674	-	160.389.302.320	-
CHIPMONG GROUP CO., LTD	39.416.664.020	-	13.136.576.134	-
Phải thu khách hàng khác	319.053.309.008	(12.281.942.581)	257.219.339.699	(13.376.376.450)
	<b>572.497.019.490</b>	<b>(12.281.942.581)</b>	<b>585.982.881.373</b>	<b>(13.376.376.450)</b>

**b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<b>59.330.813.788</b>	<b>-</b>	<b>155.237.663.220</b>	<b>-</b>
--	-----------------------	----------	------------------------	----------

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán chi tiết theo số dư lớn</b>				
Công ty TNHH KCT Cơ khí xây dựng Hưng Yên (*)	6.539.750.000	-	6.539.750.000	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	68.474.238.386	-	13.626.656.088	-
Trả trước cho người bán khác	8.462.707.549	(1.205.418.000)	3.609.922.474	(114.118.000)
	<b>83.476.695.935</b>	<b>(1.205.418.000)</b>	<b>23.776.328.562</b>	<b>(114.118.000)</b>

**b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	<b>68.474.238.386</b>	<b>-</b>	<b>13.626.656.088</b>	<b>-</b>
--	-----------------------	----------	-----------------------	----------

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.

(\*) Đây là khoản trả trước cho hợp đồng xây dựng nhà xưởng số 3 trên khu đất Quang Trung nhưng do lô đất tại đây chưa làm xong thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên hợp đồng đang tạm dừng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	27.654.050.410	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.521.735	-	77.129.252	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.951.525	-	3.730.410	-
Tạm ứng	1.098.699.000	-	1.104.136.380	-
Ký cược, ký quỹ	5.694.801	-	5.619.666	-
Phải thu Công ty TNHH Hoàn Cầu (*)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
Phải thu khác	954.482.786	-	775.667.328	-
	<b>40.319.400.257</b>	<b>-</b>	<b>12.466.283.036</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	10.600.000	-	10.600.000	-
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC (**)	4.335.500.000	-	4.335.500.000	-
	<b>4.346.100.000</b>	<b>-</b>	<b>4.346.100.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<b>27.654.050.410</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.

(\*) Phải thu Công ty TNHH Hoàn Cầu theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/UTĐT/PTHP.

(\*\*) Theo Biên bản thỏa thuận không hủy ngang số 01/2017/LD ngày 20/07/2017 về việc Hợp tác đầu tư thành lập liên danh xây dựng với các điều khoản chi tiết sau:

- Tên dự án: Khu đô thị mới Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương;
- Các bên tham gia: Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC ( Bên A), Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến (Bên B), Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Ngọc (Bên C) và Công ty CP Đầu tư Du lịch Sơn Trà (Bên D);
- Mục đích đầu tư: tăng thêm sức mạnh về mọi mặt để cùng nhau tham gia thực hiện dự án;
- Tổng số vốn góp: 25 tỷ đồng, Bên A góp 45%, bên B góp 35%, Bên C và bên D mỗi bên 10% vốn điều lệ;
- Quyền lợi và trách nhiệm: Các thành viên được hưởng quyền lợi theo tỷ lệ vốn góp và sẽ được phân chia cụ thể bằng văn bản. Ngoài ra, các bên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình thực hiện dự án và không được hoàn lại tiền đã tham gia góp vốn khi không tiếp tục tham gia thực hiện dự án.
- Tiến độ: Dự án đang triển khai giai đoạn 1 xin phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và các thủ tục liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Một thành viên Quỳnh Anh Minh	1.119.250.731	-	1.119.250.731	-
- Công ty TNHH Quang Thu	1.150.554.444	-	1.150.554.444	-
- Công Ty CP Đầu Tư Và Thương Mại Khải Minh	540.000.000	-	540.000.000	-
- Công ty Công ty TNHH Thương mại Tư vấn Xây dựng Đại Đại Long	14.695.539.320	-	14.695.539.320	7.347.769.660
- Các khoản khác	3.379.785.746	50.000.000	3.380.617.538	47.697.923
	<b>20.885.130.241</b>	<b>50.000.000</b>	<b>20.885.962.033</b>	<b>7.395.467.583</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.659.721.730	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	464.202.024.231	(10.224.028.734)	496.995.585.364	(9.889.447.386)
Công cụ, dụng cụ	230.130.768	-	220.270.768	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.727.917.922	-	1.727.917.922	-
Thành phẩm	106.493.837.951	(730.795.240)	50.601.451.549	(601.389.947)
Hàng hoá	1.442.080.691.914	(17.810.858.422)	950.318.383.119	(12.339.072.923)
	<b>2.019.394.324.516</b>	<b>(28.765.682.396)</b>	<b>1.499.863.608.722</b>	<b>(22.829.910.256)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>9.218.966.692</b>	<b>64.378.274.440</b>
- Xây dựng nhà kho Long Thành	760.000.000	55.919.307.748
- Công trình Đèn Lừ (1)	4.766.423.430	4.766.423.430
- Giá trị quyền sử dụng đất lô 9D2 (2)	3.350.517.946	3.350.517.946
- Các công trình khác	342.025.316	342.025.316
	<u><b>9.218.966.692</b></u>	<u><b>64.378.274.440</b></u>

- (1) Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng phát sinh từ năm 2013 tại Lô 3-9A, cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đến 30/06/2018, Công ty đang có kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Văn Phòng, Trung tâm thương mại kết hợp chung cư 17 tầng theo Quyết định số 10/2017-QĐ/CT-PHT ngày 15/01/2017, tuy nhiên chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- (2) Giá trị quyền sử dụng đất lô 9D2 - Khu công nghiệp Tân Tạo phát sinh tại Công ty TNHH Thép Tây Nguyên. Hiện nay, Công ty TNHH Thép Tây Nguyên đang thực hiện các thủ tục pháp lý với đối tác và các bên có liên quan để hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Thép Tây Nguyên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	163.215.078.798	141.389.233.799	69.247.155.883	1.258.658.395	328.870.503	375.438.997.378
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	56.258.339.748	-	-	-	-	56.258.339.748
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(486.078.461)	-	-	(486.078.461)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>219.473.418.546</b>	<b>141.389.233.799</b>	<b>68.761.077.422</b>	<b>1.258.658.395</b>	<b>328.870.503</b>	<b>431.211.258.665</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	53.214.649.201	76.483.871.541	46.225.948.266	906.772.322	306.120.491	177.137.361.821
- Khấu hao trong kỳ	4.030.165.904	4.171.264.438	2.557.308.458	69.636.600	-	10.828.375.400
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(486.078.461)	-	-	(486.078.461)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>57.244.815.105</b>	<b>80.655.135.979</b>	<b>48.297.178.263</b>	<b>976.408.922</b>	<b>306.120.491</b>	<b>187.479.658.760</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	110.000.429.597	64.905.362.258	23.021.207.617	351.886.073	22.750.012	198.301.635.557
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>162.228.603.441</b>	<b>60.734.097.820</b>	<b>20.463.899.159</b>	<b>282.249.473</b>	<b>22.750.012</b>	<b>243.731.599.905</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 62.266.647.530 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	130.031.806.720	1.129.101.000	131.160.907.720
Số dư cuối kỳ	<b>130.031.806.720</b>	<b>1.129.101.000</b>	<b>131.160.907.720</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	8.930.532.525	375.300.220	9.305.832.745
- Khấu hao trong kỳ	516.486.960	174.266.832	690.753.792
Số dư cuối kỳ	<b>9.447.019.485</b>	<b>549.567.052</b>	<b>9.996.586.537</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	121.101.274.195	753.800.780	121.855.074.975
Tại ngày cuối kỳ	<b>120.584.787.235</b>	<b>579.533.948</b>	<b>121.164.321.183</b>

**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	10.783.345.700	8.125.242.617	7.096.445.938	26.005.034.255
Số dư cuối kỳ	<b>10.783.345.700</b>	<b>8.125.242.617</b>	<b>7.096.445.938</b>	<b>26.005.034.255</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	203.131.068	443.527.872	646.658.940
Số dư cuối kỳ	-	<b>203.131.068</b>	<b>443.527.872</b>	<b>646.658.940</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	10.783.345.700	8.125.242.617	7.096.445.938	26.005.034.255
Tại ngày cuối kỳ	<b>10.783.345.700</b>	<b>7.922.111.549</b>	<b>6.652.918.066</b>	<b>25.358.375.315</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí mua bảo hiểm	46.146.748	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	87.430.376	104.991.459
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.782.658.223	1.622.367.103
	<b><u>1.916.235.347</u></b>	<b><u>1.727.358.562</u></b>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Metal one Vietnam	67.348.966.844	67.348.966.844	67.306.398.101	67.306.398.101
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	81.977.736.853	81.977.736.853	70.547.263.735	70.547.263.735
Cumic Steel Limited	-	-	128.031.681.704	128.031.681.704
Công ty TNHH POSCO SS VINA	42.686.141.666	42.686.141.666	28.333.508.336	28.333.508.336
Phải trả các đối tượng khác	22.590.487.038	22.590.487.038	19.729.103.502	19.729.103.502
	<b><u>214.603.332.401</u></b>	<b><u>214.603.332.401</u></b>	<b><u>313.947.955.378</u></b>	<b><u>313.947.955.378</u></b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b><u>903.288.620</u></b>	<b><u>903.288.620</u></b>	<b><u>5.915.289.428</u></b>	<b><u>5.915.289.428</u></b>

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.

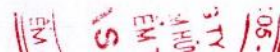
**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
ISI STEEL CO.,LTD	3.997.629.634	-
Công ty TNHH Xích KMC Việt Nam	3.320.148.207	-
Các đối tượng khác	2.920.633.540	2.281.103.271
	<b><u>10.238.411.381</u></b>	<b><u>2.281.103.271</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	599.451.210	192.946.776.069	194.011.836.219	465.608.940	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	18.825.319	18.825.319	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	34.192.282.106	38.030.223.433	25.851.058.656	-	46.371.446.883
Thuế Thu nhập cá nhân	-	350.213.975	2.875.345.369	526.285.301	-	2.699.274.043
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	152.720.473	152.720.473	-	-
Các loại thuế khác	-	-	24.000.000	24.000.000	-	-
	-	<b>35.141.947.291</b>	<b>234.047.890.663</b>	<b>220.584.725.968</b>	<b>465.608.940</b>	<b>49.070.720.926</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.700.358.770	2.896.740.574
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	32.405.242	-
- Chi phí phải trả khác	254.407.993	317.125.201
	<b><u>4.987.172.005</u></b>	<b><u>3.213.865.775</u></b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	291.804.228	289.984.408
- Bảo hiểm xã hội	3.710	1.365.206
- Bảo hiểm y tế	329.445	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	133.020	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.062.500	9.724.500
- Phải trả phí mượn tài sản thế chấp vay ngân hàng (*)	3.189.605.410	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.561.065.886	1.130.595.682
	<b><u>5.053.004.199</u></b>	<b><u>1.431.669.796</u></b>

**b) Phải trả khác là các bên liên quan**

	<b><u>3.891.709.038</u></b>	<b><u>4.438.800</u></b>
--	-----------------------------	-------------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**20 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	248.037.497.193	248.037.497.193	366.874.599.890	327.653.823.893	287.258.273.190	287.258.273.190
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	61.729.077.568	61.729.077.568	240.880.658.157	110.360.381.313	192.249.354.412	192.249.354.412
- Ngân hàng TMCP Quân đội	85.010.901.083	85.010.901.083	121.911.251.387	130.806.524.834	76.115.627.636	76.115.627.636
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Đồng Nai	14.770.428.253	14.770.428.253	107.887.000.000	72.908.428.253	49.749.000.000	49.749.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	21.080.000.000	21.080.000.000	29.954.000.000	21.380.000.000	29.654.000.000	29.654.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	157.304.206.527	157.304.206.527	235.990.461.731	257.760.120.091	135.534.548.167	135.534.548.167
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	112.615.000.000	112.615.000.000	397.806.000.000	337.960.000.000	172.461.000.000	172.461.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	156.684.609.957	156.684.609.957	354.189.407.467	429.541.713.192	81.332.304.232	81.332.304.232
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Phú	18.342.000.000	18.342.000.000	204.772.000.000	153.088.000.000	70.026.000.000	70.026.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Yên	17.666.600.858	17.666.600.858	278.180.758.851	195.389.979.154	100.457.380.555	100.457.380.555

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**20 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	25.250.856.281	25.250.856.281	354.487.265.300	192.077.357.377	187.660.764.204	187.660.764.204
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	3.160.000.000	3.160.000.000	32.591.563.259	7.761.759.259	27.989.804.000	27.989.804.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Đồng Nai (ACB)	21.461.000.000	21.461.000.000	64.614.000.000	34.997.000.000	51.078.000.000	51.078.000.000
- Ngân hàng BIDV-Chi nhánh Hà Thành	-	-	18.858.077.700	3.050.000.000	15.808.077.700	15.808.077.700
- Vay tổ chức và cá nhân khác	9.894.595.410	9.894.595.410	81.603.166.818	75.266.805.439	16.230.956.789	16.230.956.789
	<b>953.006.773.130</b>	<b>953.006.773.130</b>	<b>2.890.600.210.560</b>	<b>2.350.001.892.805</b>	<b>1.493.605.090.885</b>	<b>1.493.605.090.885</b>

Các khoản vay ngắn hạn các Ngân hàng thương mại và các tổ chức cá nhân với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,7%/năm được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, hàng tồn kho hình thành từ nguồn vốn vay, quyền sở hữu nhà, đất và một số tài sản đảm bảo khác

**Thuyết minh chi tiết về các khoản vay ngắn hạn đối với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2018		01/01/2018	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>					
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	13.453.139.678	-	7.163.651.072	-
- Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	1.717.817.111	-	1.670.944.338	-
		<b>15.170.956.789</b>	<b>-</b>	<b>8.834.595.410</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>846.455.640.000</b>	<b>21.743.395.153</b>	<b>(8.993.360.790)</b>	<b>51.546.932.622</b>	<b>373.898.475.504</b>	<b>25.187.096.213</b>	<b>1.309.838.178.702</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	178.784.358.336	3.710.086.609	182.494.444.945
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	-	-	-	-	(83.185.564.000)	-	(83.185.564.000)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	(2.173.209.582)	(2.173.209.582)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>846.455.640.000</b>	<b>21.743.395.153</b>	<b>(8.993.360.790)</b>	<b>51.546.932.622</b>	<b>469.497.269.840</b>	<b>26.723.973.240</b>	<b>1.406.973.850.065</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>929.623.130.000</b>	<b>21.743.395.153</b>	<b>(8.993.360.790)</b>	<b>51.546.932.622</b>	<b>548.255.792.749</b>	<b>28.981.217.259</b>	<b>1.571.157.106.993</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	139.365.931.009	2.364.081.951	141.730.012.960
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(45.751.156.500)	-	(45.751.156.500)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>929.623.130.000</b>	<b>21.743.395.153</b>	<b>(8.993.360.790)</b>	<b>51.546.932.622</b>	<b>641.870.567.258</b>	<b>31.345.299.210</b>	<b>1.667.135.963.453</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 09/2017/NQ-HDQT ngày 19/12/2017, Công ty công bố việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 5% (500 đồng/ cổ phiếu) tương ứng tổng số tiền chi trả cổ tức là 45.751.156.500 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 05/01/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Mạnh Hà	19,55%	181.779.840.000	19,55%	181.779.840.000
Bà Phạm Thị Hồng	11,35%	105.488.250.000	11,35%	105.488.250.000
Ông Nguyễn Văn Quang	9,44%	87.772.180.000	9,44%	87.772.180.000
Các cổ đông khác	58,69%	545.589.499.210	58,69%	545.589.499.210
Cổ phiếu quỹ	0,97%	8.993.360.790	0,97%	8.993.360.790
	<b>100%</b>	<b>929.623.130.000</b>	<b>100%</b>	<b>929.623.130.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	929.623.130.000	846.455.640.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	929.623.130.000	846.455.640.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	929.623.130.000	846.455.640.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	9.724.500	8.032.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	45.751.156.500	85.358.773.582
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	45.751.156.500	85.358.773.582
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(45.750.818.500)	(83.183.872.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(45.750.818.500)	(83.183.872.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-
- <i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>10.062.500</b>	<b>2.182.934.082</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.962.313	92.962.313
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	92.962.313	92.962.313
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	92.962.313	92.962.313
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	1.460.000	1.460.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.460.000	1.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	91.502.313	91.502.313
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	91.502.313	91.502.313
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.546.932.622	51.546.932.622
	<b>51.546.932.622</b>	<b>51.546.932.622</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	30/06/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	800.466,82	824.413,68
- Đồng Euro (EUR)	100,00	100,00

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.015.772.573.350	503.599.956.091
Doanh thu bán hàng hóa	2.035.278.471.224	1.750.591.006.259
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.090.093.873	5.791.290.826
	<b>3.058.141.138.447</b>	<b>2.259.982.253.176</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<b>559.364.931.453</b>	<b>387.804.434.056</b>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	540.013.060	470.598.731
Giảm giá hàng bán	-	15.280.099
	<b>540.013.060</b>	<b>485.878.830</b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	962.075.150.705	454.272.435.090
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.793.484.686.840	1.519.023.296.906
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.580.435.440	3.026.739.341
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.935.772.140	(3.478.239.703)
	<b>2.764.076.045.125</b>	<b>1.972.844.231.634</b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.662.508.186	1.199.784.279
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	555.841.696	117.980.767
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	1.557.749.492	916.517.189
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.804.050.410	214.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.428.830.808	1.661.831.085
	<b>33.008.980.592</b>	<b>4.110.113.320</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	47.408.404.111	35.914.815.442
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	115.753.385
Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh	1.520.866.814	764.241.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	731.192.118	475.128.349
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.430.654.656	(4.186.911.943)
Chi phí tài chính khác	622.030.278	306.052.673
	<b>52.713.147.977</b>	<b>33.389.079.531</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	269.405.443	407.027.382
Chi phí nhân công	8.085.573.872	7.757.416.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.365.054.232	2.272.949.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.394.570.261	5.272.990.124
Chi phí khác bằng tiền	9.989.060.238	8.747.750.747
	<b>31.103.664.046</b>	<b>24.458.134.066</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	281.476.446	315.003.932
Chi phí nhân công	10.362.725.748	9.679.162.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.162.687.409	3.057.055.515
Thuế, phí, lệ phí	188.813.123	273.206.939
Chi phí dự phòng	7.344.635.791	1.001.109.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.886.757.594	1.922.162.123
Chi phí khác bằng tiền	15.620.248.951	5.912.662.266
	<b>39.847.345.062</b>	<b>22.160.362.790</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.030.223.433	45.437.453.483
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	52.060.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	34.192.282.106	37.747.583.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(25.851.058.656)	(44.327.000.180)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>46.371.446.883</b>	<b>38.910.097.450</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế	139.365.931.009	178.784.358.336
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	139.365.931.009	178.784.358.336
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	91.502.313	91.502.313
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.523</b>	<b>1.954</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

**32 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 08/2018/NQ-HĐQT ngày 24/05/2018, Công ty công bố việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	139.365.931.009	178.784.358.336
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	139.365.931.009	178.784.358.336
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	91.502.313	91.502.313
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	9.148.308	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.385</b>	<b>1.954</b>

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.018.065.097.077	472.594.901.815
Chi phí nhân công	19.999.915.057	19.612.239.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.165.788.132	10.919.282.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.028.336.253	13.218.162.755
Chi phí khác bằng tiền	25.809.190.480	11.926.616.273
	<b>1.089.068.326.999</b>	<b>528.271.202.913</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.188.937.812	-	160.182.246.769	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	617.162.519.747	(19.629.712.241)	602.795.264.409	(13.376.376.450)
Đầu tư ngắn hạn	12.495.684.422	(4.502.822.212)	7.760.015.535	(2.072.167.556)
	<b><u>757.847.141.981</u></b>	<b><u>(24.132.534.453)</u></b>	<b><u>770.737.526.713</u></b>	<b><u>(15.448.544.006)</u></b>

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.493.605.090.885	953.006.773.130
Phải trả người bán, phải trả khác	220.797.876.600	315.528.625.174
Chi phí phải trả	4.987.172.005	3.213.865.775
	<b><u>1.719.390.139.490</u></b>	<b><u>1.271.749.264.079</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	7.992.862.210	-	-	7.992.862.210
	<u>7.992.862.210</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.992.862.210</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	5.687.847.979	-	-	5.687.847.979
	<u>5.687.847.979</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.687.847.979</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.188.937.812	-	-	128.188.937.812
Phải thu khách hàng, phải thu khác	593.186.707.506	4.346.100.000	-	597.532.807.506
	<u><u>721.375.645.318</u></u>	<u><u>4.346.100.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>725.721.745.318</u></u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.182.246.769	-	-	160.182.246.769
Phải thu khách hàng, phải thu khác	585.072.787.959	4.346.100.000	-	589.418.887.959
	<u><u>745.255.034.728</u></u>	<u><u>4.346.100.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>749.601.134.728</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	1.493.605.090.885	-	-	1.493.605.090.885
Phải trả người bán, phải trả khác	219.656.336.600	1.141.540.000	-	220.797.876.600
Chi phí phải trả	4.987.172.005	-	-	4.987.172.005
	<b><u>1.718.248.599.490</u></b>	<b><u>1.141.540.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.719.390.139.490</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	953.006.773.130	-	-	953.006.773.130
Phải trả người bán, phải trả khác	315.379.625.174	149.000.000	-	315.528.625.174
Chi phí phải trả	3.213.865.775	-	-	3.213.865.775
	<b><u>1.271.600.264.079</u></b>	<b><u>149.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.271.749.264.079</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 . THÔNG TIN KHÁC**

(1) Theo nghị Quyết Hội đồng quản trị số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 02/05/2018, Công ty công bố việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017 như sau:

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu;

Ngày đăng ký cuối cùng: 29/06/2018;

Ngày chấp nhận niêm yết bổ sung: 27/07/2018;

Tỷ lệ thanh toán: 10%/ cổ phiếu (100 cổ phiếu nhận được 10 cổ phiếu);

(2) Công ty Cổ phần thép Bắc Nam - Công ty liên kết của Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên đang thực hiện nhập khẩu lô hàng thép nhập khẩu phát sinh từ năm 2017. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại lô hàng này mới được thông quan một phần do vướng mắc về thủ tục hải quan, giám sát hải quan trong khâu nhập khẩu, công ty Bắc Nam đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà Nước cho lô hàng nhập khẩu này, nên Công ty Tiến Lên chưa đánh giá các tổn thất nếu có đối với lô hàng này. Trong trường hợp có tổn thất xảy ra thì tổn thất sẽ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2018	2017
		VND	VND
<b>Doanh thu</b>		<b>559.364.931.453</b>	<b>387.804.434.056</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	559.364.931.453	387.804.434.056
<b>Mua hàng</b>		<b>197.977.925.029</b>	<b>108.537.576.815</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	197.977.925.029	108.537.576.815
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		<b>27.654.050.410</b>	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	27.654.050.410	-
<b>Phí huy động vốn</b>		<b>10.968.709.038</b>	-
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	3.234.074.813	-
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám Đốc	6.484.106.100	-
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám	1.250.528.125	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>59.330.813.788</b>	<b>155.237.663.220</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	59.330.813.788	155.237.663.220
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>68.474.238.386</b>	<b>13.626.656.088</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	68.474.238.386	13.626.656.088
<b>Phải thu khác</b>		<b>27.654.050.410</b>	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	27.654.050.410	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>903.288.620</b>	<b>5.915.289.428</b>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	903.288.620	5.915.289.428
<b>Phải trả khác</b>		<b>3.891.709.038</b>	<b>4.438.800</b>
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	1.612.106.100	-
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	-	4.438.800
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	1.029.074.813	-
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám	1.250.528.125	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	240.000.000	240.000.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban điều hành và Hội đồng Quản trị	973.816.944	953.340.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

**Đỗ Thị Kim Dung**  
Người lập

**Đào Thị Kim Loan**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Mạnh Hà**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2018

